

VÁI – LẠY – BÁI:

Lạy có phải là thờ không?

Khảo cứu từ ngữ, phong tục và ý nghĩa tôn giáo dưới ánh sáng Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên của Hội đồng Giám mục Việt Nam.

Michel Nguyễn Hạnh

Phó Trưởng Ban Từ Vực Hán Nôm Công Giáo

Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –

Thành viên Ủy ban Văn hóa

Trong đời sống văn hóa và tín ngưỡng của người Việt Nam, VÁI, LẠY và BÁI là những từ ngữ quen thuộc, gắn liền với các cử chỉ bày tỏ lòng kính trọng, biết ơn, tưởng nhớ hoặc cầu khẩn. Người ta vái trước bàn thờ tổ tiên, lạy cha mẹ trong những dịp trọng đại, lạy trước linh cữu người quá cố, bái tổ trong các nghi lễ truyền thống và quỳ lạy trước Thiên Chúa trong đời sống tôn giáo. Tuy có những hình thức biểu hiện tương tự nhau, các cử chỉ ấy không nhất thiết mang cùng một ý nghĩa, bởi ý nghĩa của chúng còn tùy thuộc vào đối tượng được hướng đến, hoàn cảnh thực hiện và niềm tin của người tham dự.

Chính từ sự đa dạng ấy đã nảy sinh một câu hỏi từng gây ra không ít tranh luận trong đời sống người Công giáo Việt Nam: **Lạy có phải là thờ không?** Khi một người con quỳ lạy trước linh cữu cha mẹ, có phải người ấy đang thờ phượng cha mẹ như thần linh hay không? Khi đôi tân hôn cúi lạy trước bàn thờ gia tiên, hành động ấy có trái với đức tin Công giáo hay chỉ là một hình thức bày tỏ lòng hiếu kính đối với ông bà tổ tiên?

Vấn đề không chỉ đơn giản là phân biệt một vài động tác nghi lễ, mà còn liên quan đến cách hiểu ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng và thần học. Nếu đồng nhất mọi hành vi lạy với việc thờ phượng, người ta có thể vô tình phủ nhận những biểu hiện chính đáng của đạo hiếu trong văn hóa dân tộc. Ngược lại, nếu chỉ xem các cử chỉ nghi lễ như những động tác bên ngoài mà không quan tâm đến ý nghĩa tôn giáo của chúng, người ta cũng có thể bỏ qua những khác biệt quan trọng giữa việc tôn kính con người và việc thờ phượng Thiên Chúa.

Để làm sáng tỏ vấn đề này, cần khảo sát ý nghĩa của ba từ VÁI, LẠY và BÁI trong ngôn ngữ Việt Nam, đồng thời đối chiếu với những hướng dẫn của Hội đồng Giám mục Việt Nam, đặc biệt là *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, được ghi nhận với ngày 4.10.2019. Văn kiện này cần được đặt trong tiến trình Giáo hội Công giáo tại Việt Nam nhìn nhận và hướng dẫn việc thực hành những phong tục tôn kính tổ tiên phù hợp với đức tin, đồng thời xác định những nguyên tắc cần thiết để phân biệt lòng hiếu kính đối với ông bà tổ tiên với việc thờ phượng chỉ dành cho Thiên Chúa.

I. VÁI – LẠY – BÁI TRONG NGÔN NGỮ VÀ PHONG TỤC VIỆT NAM

1. VÁI – Cử chỉ cúi mình bày tỏ lòng kính trọng

VÁI là một từ thông dụng trong tiếng Việt, thường được dùng để chỉ động tác chấp hai tay, cúi đầu hoặc cúi mình nhằm biểu thị lòng kính trọng, sự tưởng nhớ hay lời khẩn nguyện. Trong sinh hoạt truyền thống, người Việt thường vái trước bàn thờ gia tiên, vái người quá cố trong tang lễ, vái trước những nơi được xem là linh thiêng hoặc vái khi cầu xin một điều gì đó.

Về hình thức, vái thường được thực hiện trong tư thế đứng hoặc quỳ, hai tay chấp trước ngực hay đưa lên ngang trán, đồng thời cúi đầu hoặc cúi mình. Tuy nhiên, cách vái không hoàn toàn thống nhất, bởi mỗi địa phương, gia đình và truyền thống nghi lễ có thể có những quy cách khác nhau.

Trong tiếng Việt, từ VÁI xuất hiện trong nhiều cách nói như vái Trời, vái Phật, vái tổ tiên, vái người quá cố. Những cách diễn đạt này cho thấy cùng một động từ có thể được sử dụng trong những hoàn cảnh khác nhau, từ hành vi cầu khẩn mang tính tôn giáo đến cử chỉ kính trọng mang tính gia đình và xã hội.

Khi một người vái trước bàn thờ tổ tiên để tưởng nhớ ông bà, hành động ấy có thể chỉ biểu thị lòng hiếu kính và biết ơn đối với những người đã khuất. Nhưng khi một người vái trước thần linh với niềm tin rằng vị thần ấy có quyền năng siêu nhiên và có thể ban phát những điều

mình cầu xin, hành động ấy có thể mang ý nghĩa tín ngưỡng hoặc thờ phụng.

Như vậy, VÁI trước hết là một từ chỉ cử chỉ bên ngoài, còn ý nghĩa cụ thể của hành vi ấy cần được xác định trong từng hoàn cảnh. Không thể chỉ dựa vào động tác chấp tay, cúi đầu để kết luận rằng người thực hiện đang thờ phượng, bởi cùng một cử chỉ có thể biểu đạt những thái độ khác nhau, tùy theo đối tượng được hướng đến và ý hướng của người thực hiện.

2. LẠY – Cử chỉ hạ mình biểu thị sự tôn kính sâu xa

LẠY là một từ thông dụng trong tiếng Việt, thường chỉ động tác quỳ xuống, cúi mình hoặc phủ phục nhằm bày tỏ lòng tôn kính, biết ơn, phục tùng hay khẩn cầu. So với vái, lạy thường được xem là một hình thức kính lễ trang trọng hơn, bởi người thực hiện hạ thấp thân mình trước đối tượng được hướng đến, qua đó biểu thị thái độ khiêm nhường, kính trọng hoặc khẩn thiết cầu xin.

Trong phong tục truyền thống, lạy có thể được thực hiện bằng cách quỳ hai gối, cúi đầu và thân mình xuống thấp, có khi trán chạm đất. Tuy nhiên, không phải mọi hình thức lạy đều nhất thiết phải quỳ hoặc phủ phục hoàn toàn, bởi động tác này có thể thay đổi tùy theo phong tục địa phương, hoàn cảnh nghi lễ và điều kiện thể chất của người thực hiện.

Điều đáng chú ý là từ LẠY có phạm vi sử dụng rất rộng trong tiếng Việt. Người ta có thể nói *lạy Trời, lạy Phật, lạy Chúa, lạy ông bà, lạy cha mẹ, lạy thầy*, thậm chí lạy anh, xin anh tha cho. Những cách nói ấy không mang cùng một ý nghĩa, mặc dù đều sử dụng chung một động từ.

Khi nói *lạy Chúa*, người tín hữu có thể đang hướng về Thiên Chúa trong tâm tình thờ phượng và cầu nguyện. Khi nói lạy cha mẹ, người con có thể đang bày tỏ lòng hiếu kính, biết ơn hoặc xin lỗi đấng sinh thành. Còn khi nói lạy anh, xin anh tha cho, người nói có thể chỉ đang khẩn khoản van xin, chứ không hề nhìn nhận người đối diện là thần linh hay đối tượng của sự thờ phượng.

Điều này cho thấy trong tiếng Việt, LẠY không phải là một thuật ngữ

chỉ dành riêng cho hành vi thờ phượng. Tùy theo ngữ cảnh, từ ấy có thể diễn tả nhiều thái độ khác nhau, từ lòng kính trọng, sự biết ơn, thái độ khiêm nhường đến việc cầu xin hoặc tôn thờ.

Cũng cần phân biệt giữa nghĩa của động từ LẠY với ý nghĩa của hành vi lạy trong một nghi thức cụ thể. Xét về mặt ngôn ngữ, lạy không mặc nhiên đồng nghĩa với thờ phượng; nhưng xét trong đời sống tín ngưỡng, một hành vi lạy có thể mang ý nghĩa thờ phượng nếu được thực hiện với ý hướng tôn nhận đối tượng là thần linh hoặc đáng có quyền năng siêu nhiên đáng được thờ phụng.

Bởi vậy, lạy là một hình thức biểu đạt sự tôn kính, khiêm nhường hoặc khẩn cầu, nhưng không phải mọi hành vi lạy đều là thờ phượng. Muốn xác định ý nghĩa của một hành vi lạy, cần xét đến đối tượng được hướng đến, ý hướng của người thực hiện và bối cảnh văn hóa, tín ngưỡng hoặc tôn giáo trong đó hành vi ấy diễn ra.

3. BÀI 拜 – Hành vi kính lễ trong truyền thống Hán Việt

Khác với hai từ VÁI và LẠY vốn được sử dụng phổ biến trong lời ăn tiếng nói hằng ngày, BÀI là một từ Hán Việt, tương ứng với chữ Hán 拜. Trong tiếng Hán cổ, chữ 拜 được dùng để chỉ hành vi kính lễ, cúi lạy hoặc thực hiện những nghi thức bày tỏ sự tôn kính đối với một người hay một đối tượng nào đó. Tùy theo thời đại và hoàn cảnh sử dụng, chữ này có thể chỉ một động tác lễ nghi cụ thể hoặc mang nghĩa rộng hơn là kính cẩn thăm viếng, ra mắt, tôn nhận hay bày tỏ sự tôn kính.

Trong truyền thống lễ nghi, BÀI không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tôn giáo, mà còn được sử dụng trong các quan hệ xã hội, gia đình, giáo dục và chính trị, đặc biệt trong những nghi thức biểu thị sự kính trọng đối với người có địa vị, bậc trưởng thượng, thầy dạy hoặc tổ tiên.

Chẳng hạn, BÀI KIẾN 拜見 là đến gặp một người với thái độ cung kính; BÀI SƯ 拜師 là làm lễ nhận thầy; BÀI TỔ 拜祖 là kính lễ tổ tiên; BÀI PHẬT 拜佛 là lễ kính Đức Phật; BÀI THẦN 拜神 là kính lễ thần linh.

Những cách dùng ấy cho thấy chữ BÀI có phạm vi ý nghĩa rộng, không thể mặc nhiên đồng nhất với việc thờ phượng. Cùng một chữ BÀI

nhưng ý nghĩa của hành vi có thể thay đổi tùy theo đối tượng, mục đích và hoàn cảnh nghi lễ. Trong một số trường hợp, BÁI chủ yếu biểu thị sự kính trọng theo quy tắc xã hội; trong những trường hợp khác, từ này có thể chỉ một hành vi mang ý nghĩa tín ngưỡng hoặc tôn giáo.

Đặc biệt, trong cụm từ BÁI TỔ 拜祖, chữ BÁI chỉ hành vi kính lễ, còn chữ TỔ 祖 chỉ tổ tiên. Vì vậy, BÁI TỔ có thể được hiểu là lễ bái tổ tiên hoặc kính lễ tổ tiên, chứ không nhất thiết có nghĩa là thờ phượng tổ tiên như thần linh. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng trong những truyền thống tín ngưỡng cụ thể, nghi lễ bái tổ có thể gắn với quan niệm về linh hồn, sự hiện diện và khả năng phù hộ của tổ tiên, nên không thể chỉ dựa vào nghĩa từ vựng để xác định toàn bộ bản chất của nghi thức.

Một điểm đáng chú ý khác là chữ BÁI 拜 thường xuất hiện trong những từ ghép Hán Việt có liên quan đến nghi lễ và tôn giáo, chẳng hạn lễ bái 禮拜, sùng bái 崇拜 hoặc bái vọng 拜望. Tuy cùng chứa yếu tố BÁI, các từ ghép ấy không hoàn toàn đồng nghĩa, bởi ý nghĩa của mỗi từ còn được xác định bởi yếu tố kết hợp và ngữ cảnh sử dụng. Điều này càng cho thấy không nên tách riêng chữ BÁI khỏi cấu trúc ngôn ngữ và hoàn cảnh nghi lễ để gán cho nó một ý nghĩa tôn giáo duy nhất.

Từ đó, có thể nhận thấy một điểm quan trọng: BÁI 拜 là từ có nghĩa căn bản liên quan đến hành vi kính lễ, còn việc hành vi ấy có mang ý nghĩa thờ phượng hay không phải được xác định trong bối cảnh cụ thể.

4. Mối quan hệ giữa VÁI, LẠY và BÁI

Ba từ VÁI, LẠY và BÁI có phạm vi ý nghĩa giao thoa nhưng không hoàn toàn đồng nhất. VÁI thường nhấn mạnh cử chỉ chấp tay, cúi đầu hoặc cúi mình; LẠY thường gợi một hình thức hạ mình sâu hơn nhằm biểu thị sự tôn kính, khiêm nhường hoặc khẩn cầu; còn BÁI là thuật ngữ Hán Việt có phạm vi sử dụng rộng trong hệ thống lễ nghi, không nhất thiết

gắn với một động tác duy nhất.

Có thể khái quát sự khác biệt như sau:

Từ ngữ	Đặc điểm căn bản	Ý nghĩa có thể biểu đạt
VÁI	Chấp tay, cúi đầu hoặc cúi mình	Chấp tay, cúi đầu hoặc cúi mình
LẠY	Quỳ, cúi mình sâu hoặc phủ phục	Hiếu kính, tôn kính, cầu xin, thờ phượng
BÁI 拜	Kính lễ theo quy thức lễ nghi	Chào kính, tôn kính, lễ bái, thờ phụng tùy hoàn cảnh

Bảng phân biệt này chỉ có giá trị tương đối, bởi trong thực tế, một động tác có thể được gọi bằng nhiều từ khác nhau, và cùng một từ cũng có thể được sử dụng để chỉ những hình thức kính lễ không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn, người Việt thường nói vái lạy tổ tiên để chỉ chung những hành vi bày tỏ lòng kính trọng đối với ông bà tổ tiên, mà không nhất thiết phân định thành hai nghi thức độc lập. Tương tự, từ lễ bái có thể được sử dụng trong những bối cảnh tôn giáo khác nhau, nhưng không vì thế mà mọi hành vi lễ bái đều mang cùng một nội dung tín ngưỡng.

Từ những nhận xét trên, có thể xác lập một nguyên tắc quan trọng: VÁI, LẠY và BÁI trước hết là những từ chỉ hành vi, cử chỉ hoặc hình thức kính lễ; còn THỜ PHƯỢNG là khái niệm liên quan đến bản chất của sự tôn kính và niềm tin tôn giáo.

Tuy nhiên, cũng cần phân biệt thêm rằng trong tiếng Việt, các từ thờ, thờ phụng và thờ phượng không phải lúc nào cũng được sử dụng với cùng một phạm vi ý nghĩa. Người Việt có thể nói thờ ông bà, thờ tổ tiên để chỉ việc lập bàn thờ, tưởng nhớ và bày tỏ lòng hiếu kính đối với những người đã khuất, trong khi thuật ngữ thờ phượng, khi được sử dụng theo nghĩa thần học Công giáo chặt chẽ, chỉ sự tôn thờ dành riêng cho Thiên Chúa. Vì vậy, không thể chỉ căn cứ vào sự hiện diện của từ THỜ trong một cách nói thông thường để kết luận rằng hành vi ấy đồng nghĩa với việc thờ phượng theo nghĩa thần học.

Nói cách khác, cần phân biệt giữa hình thức biểu hiện bên ngoài của một hành vi kính lễ và nội dung tín ngưỡng hoặc tôn giáo mà hành vi

ấy chuyên chở. Hai bình diện này có liên hệ mật thiết với nhau nhưng không thể đồng nhất, bởi một cử chỉ giống nhau về hình thức vẫn có thể mang những ý nghĩa khác nhau tùy theo đối tượng, ý hướng và hoàn cảnh thực hiện.

Chính sự phân biệt ấy là cơ sở cần thiết để tiếp tục khảo sát câu hỏi: Khi người Công giáo Việt Nam vái, lạy hoặc bái trước bàn thờ tổ tiên, hành vi ấy thuộc phạm vi tôn kính, hiếu kính hay thờ phượng?

II. LẠY CÓ PHẢI LÀ THỜ KHÔNG?

1. Phân biệt cử chỉ bên ngoài và ý nghĩa bên trong

Muốn trả lời câu hỏi LẠY có phải là THỜ hay không, trước hết cần phân biệt giữa hình thức bên ngoài của một cử chỉ và ý nghĩa mà hành vi ấy biểu đạt trong từng hoàn cảnh cụ thể. Một người quỳ lạy trước cha mẹ có thể đang bày tỏ lòng hiếu kính, biết ơn hoặc xin lỗi đấng sinh thành; một người quỳ lạy trước linh cữu có thể đang bày tỏ lòng thương tiếc và tưởng nhớ người đã khuất; còn một tín hữu quỳ lạy trước Thiên Chúa có thể đang thực hiện hành vi thờ phượng. Trong những trường hợp ấy, hình thức bên ngoài có thể tương tự nhau, nhưng ý nghĩa và bản chất của hành vi không nhất thiết giống nhau.

Sự phân biệt này đặc biệt quan trọng trong đời sống Công giáo, bởi đức tin Kitô giáo xác định rằng chỉ một mình Thiên Chúa là Đáng đáng được thờ phượng theo nghĩa tuyệt đối. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là mọi cử chỉ quỳ gối, cúi đầu hoặc phủ phục trước con người đều mặc nhiên trở thành hành vi thờ phượng, bởi trong đời sống văn hóa và xã hội, những cử chỉ ấy còn được sử dụng để biểu thị lòng kính trọng, sự khiêm nhường, lòng biết ơn hoặc thái độ khẩn khoản cầu xin.

Mặt khác, cũng không thể xem mọi cử chỉ nghi lễ chỉ là những động tác bên ngoài hoàn toàn không mang ý nghĩa tôn giáo. Trong nhiều truyền thống tín ngưỡng, một cử chỉ có thể gắn liền với những quan niệm và niềm tin đã được cộng đồng thừa nhận qua nhiều thế hệ. Vì vậy, ý nghĩa của hành vi không chỉ tùy thuộc vào chủ ý riêng của người thực hiện, mà còn liên quan đến đối tượng được hướng đến, hoàn cảnh diễn ra

nghi thức và ý nghĩa mà cộng đồng gán cho nghi thức ấy.

Do đó, muốn xác định một hành vi lạy có mang ý nghĩa thờ phượng hay không, cần xem xét đồng thời đối tượng được kính lễ, ý hướng của người thực hiện, nội dung của nghi thức và bối cảnh văn hóa, tín ngưỡng hoặc tôn giáo trong đó hành vi ấy diễn ra. Không thể chỉ dựa vào động tác quỳ xuống hay cúi đầu để kết luận rằng người thực hiện đang thờ phượng đối tượng trước mặt, nhưng cũng không thể chỉ căn cứ vào lời giải thích chủ quan của một cá nhân mà bỏ qua ý nghĩa vốn có của nghi thức trong đời sống cộng đồng.

2. Phân biệt THỜ, TÔN KÍNH và THỜ PHƯỢNG

Trong tiếng Việt, từ THỜ có phạm vi ý nghĩa khá rộng. Người ta nói *thờ Trời*, *thờ Phật*, *thờ Chúa*, nhưng cũng nói thờ cúng tổ tiên, thờ cha kính mẹ hoặc thờ chồng trong những cách diễn đạt truyền thống. Những trường hợp này cho thấy từ THỜ không phải lúc nào cũng mang cùng một nội dung tín ngưỡng hay thần học, bởi có khi nó chỉ hành vi phụng thờ một đấng được nhìn nhận là thần linh, nhưng cũng có khi nhấn mạnh thái độ kính trọng, phụng dưỡng, tận tụy hoặc chu toàn bốn phận đối với một người.

Chẳng hạn, trong cách nói *thờ cha kính mẹ*, từ THỜ không có nghĩa là nhìn nhận cha mẹ như những vị thần đáng được thờ phượng, mà chủ yếu diễn tả bốn phận hiếu kính, phụng dưỡng và tôn trọng đấng sinh thành. Tương tự, trong cách nói *thờ cúng tổ tiên*, từ THỜ có thể được sử dụng để chỉ việc lập bàn thờ, gìn giữ hương khói, tưởng nhớ và bày tỏ lòng biết ơn đối với ông bà tổ tiên. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng trong một số truyền thống tín ngưỡng dân gian, việc thờ cúng tổ tiên còn gắn liền với những quan niệm về sự hiện diện của người đã khuất, khả năng phù hộ hoặc can thiệp vào đời sống con cháu. Vì vậy, không thể mặc nhiên cho rằng mọi hình thức thờ cúng tổ tiên đều chỉ mang ý nghĩa tưởng niệm, cũng như không thể đồng nhất tất cả những hình thức ấy với việc thờ phượng thần linh.

Trong truyền thống thần học Công giáo, sự phân biệt giữa thờ phượng

và tôn kính được diễn tả qua những thuật ngữ Latinh như *latría* và *dulia*. *Latría* chỉ sự thờ phượng dành riêng cho Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa và là nguồn mạch của mọi sự sống; còn *dulia* chỉ sự tôn kính dành cho các thánh, những người được Giáo hội nhìn nhận là đã sống trong ân sủng và vinh quang của Thiên Chúa. Đối với Đức Maria, truyền thống thần học sử dụng thuật ngữ *hyperdulia* để diễn tả sự tôn kính đặc biệt dành cho Mẹ Thiên Chúa, nhưng sự tôn kính ấy vẫn hoàn toàn khác biệt với việc thờ phượng chỉ dành riêng cho Thiên Chúa.

Sự phân biệt này cho thấy trong thần học Công giáo, không phải mọi hình thức tôn kính đều là thờ phượng. Người tín hữu thờ phượng Thiên Chúa vì Người là Đấng Tạo Hóa và là cùng đích tối hậu của đời mình, trong khi việc tôn kính Đức Maria và các thánh không nhằm nhìn nhận các ngài như những thần linh độc lập với Thiên Chúa, mà hướng đến việc tôn vinh những công trình ân sủng của Thiên Chúa nơi các ngài.

Đối với cha mẹ và tổ tiên, lòng tôn kính trước hết thuộc về bốn phận luân lý của con cháu đối với những người đã sinh thành, dưỡng dục và truyền lại sự sống. Trong đức tin Công giáo, bốn phận ấy còn được đặt dưới ánh sáng điều răn thứ tư: Thảo kính cha mẹ. Vì vậy, việc kính nhớ và bày tỏ lòng hiếu thảo đối với ông bà tổ tiên không thể bị đồng nhất với việc thờ phượng Thiên Chúa, mặc dù cả hai có thể được biểu đạt bằng những cử chỉ bên ngoài tương tự nhau như cúi đầu, quỳ gối hoặc phủ phục.

Cũng cần lưu ý rằng việc tôn kính cha mẹ và tổ tiên không hoàn toàn đồng nghĩa với sự tôn kính các thánh theo nghĩa chuyên biệt của thuật ngữ *dulia*. Lòng hiếu kính đối với cha mẹ và tổ tiên trước hết phát xuất từ mối tương quan gia đình, đạo lý biết ơn và bốn phận luân lý, trong khi sự tôn kính các thánh thuộc phạm vi đời sống phụng vụ và đạo đức của Giáo hội. Hai hình thức tôn kính ấy có thể gặp nhau ở thái độ kính trọng và biết ơn, nhưng không vì thế mà trở thành những khái niệm thần học đồng nhất.

Như vậy, cần phân biệt rõ ba bình diện: THỜ là từ có phạm vi nghĩa rộng trong tiếng Việt; TÔN KÍNH là thái độ kính trọng có thể dành cho cha mẹ, tổ tiên, các bậc đáng kính hoặc các thánh tùy theo từng mối

tương quan; còn THỜ PHƯỢNG, theo nghĩa thần học Công giáo, là hành vi tôn thờ dành riêng cho Thiên Chúa. Sự phân biệt này có ý nghĩa quan trọng khi xem xét những phong tục kính lễ tổ tiên trong đời sống người Công giáo Việt Nam, bởi một hành vi được gọi là thờ theo ngôn ngữ thông thường không nhất thiết đồng nghĩa với việc thờ phượng theo nghĩa thần học.

3. Lạy không đương nhiên là thờ phượng

Từ những phân biệt trên, có thể trả lời rằng LẠY không đương nhiên là THỜ PHƯỢNG. Lạy là một cử chỉ có thể được sử dụng để biểu đạt sự thờ phượng, nhưng bản thân động tác lạy không đủ để xác định rằng hành vi ấy mang bản chất thờ phượng, bởi ý nghĩa của nó còn tùy thuộc vào đối tượng được hướng đến, ý hướng của người thực hiện và bối cảnh nghi lễ.

Nếu người tín hữu quỳ lạy trước Thiên Chúa để tuyên xưng Người là Đấng Tạo Hóa, là Chúa và là cùng đích của đời mình, hành vi ấy thuộc phạm vi thờ phượng. Nhưng nếu người con quỳ lạy trước linh cửu cha mẹ để bày tỏ lòng thương tiếc, biết ơn và tưởng nhớ công lao sinh thành dưỡng dục, hành vi ấy thuộc phạm vi hiếu kính và tưởng niệm, chứ không mặc nhiên có nghĩa là nhìn nhận cha mẹ như những vị thần đáng được thờ phượng.

Tương tự, khi đôi tân hôn cúi lạy trước bàn thờ gia tiên trong ngày thành hôn, cử chỉ ấy có thể biểu thị lòng biết ơn đối với ông bà tổ tiên, sự tiếp nối truyền thống gia đình và ý thức về trách nhiệm của thế hệ con cháu đối với những người đi trước. Nếu được thực hiện với ý nghĩa hiếu kính và tưởng niệm, hành vi ấy không nhất thiết trái với đức tin Công giáo, bởi việc bày tỏ lòng biết ơn đối với tổ tiên không đồng nghĩa với việc dành cho các ngài sự thờ phượng vốn chỉ thuộc về Thiên Chúa.

Tuy nhiên, cũng không thể từ đó kết luận rằng mọi hành vi lạy đều chỉ là cử chỉ xã giao hoặc biểu hiện của lòng kính trọng thuần túy. Trong những nghi thức có nội dung tín ngưỡng, việc quỳ lạy có thể biểu thị sự thờ phụng thần linh, sự cầu xin quyền năng siêu nhiên hoặc sự lệ

thuộc mang tính tôn giáo. Vì thế, ý nghĩa của hành vi cần được xác định từ toàn bộ nghi thức, bao gồm đối tượng được kính lễ, lời khấn nguyện, những hành động đi kèm và niềm tin của người tham dự, chứ không chỉ từ hình thức bên ngoài hoặc lời giải thích riêng của người thực hiện.

Đối với người Công giáo, sự phân biệt này vừa giúp bảo vệ nguyên tắc căn bản của đức tin rằng chỉ một mình Thiên Chúa là Đáng đáng được thờ phượng, vừa mở ra khả năng nhìn nhận những giá trị đạo đức và văn hóa chính đáng trong các phong tục tôn kính tổ tiên của dân tộc. Tuy nhiên, việc nhìn nhận ấy không có nghĩa là chấp nhận mọi thực hành tín ngưỡng một cách không phân biệt, mà đòi hỏi phải xem xét nội dung của từng nghi thức dưới ánh sáng giáo huấn của Giáo hội.

Vì vậy, vấn đề cốt lõi không phải chỉ là có quỳ lạy hay không, mà là quỳ lạy ai, trong nghi thức nào, với ý nghĩa gì và trong niềm tin nào. Chính sự phân biệt giữa hình thức kính lễ và nội dung tôn giáo của hành vi là cơ sở để hiểu đúng việc vái, lạy và bái trong phong tục Việt Nam, đồng thời cũng là tiền đề cần thiết để khảo sát những hướng dẫn của Hội đồng Giám mục Việt Nam về việc tôn kính tổ tiên trong đời sống người Công giáo.

III. VÁI LẠY TỔ TIÊN THEO HƯỚNG DẪN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM

1. Từ những tranh luận lịch sử đến việc nhìn nhận giá trị văn hóa

Trong lịch sử truyền giáo tại Á Đông, những nghi lễ tôn kính tổ tiên từng là đối tượng của nhiều cuộc tranh luận thần học và mục vụ, đặc biệt trong vấn đề lễ nghi Trung Hoa. Một trong những nguyên nhân căn bản là sự khác biệt giữa cách hiểu các nghi thức truyền thống trong xã hội Á Đông và cách đánh giá những nghi thức ấy theo các phạm trù thần học và giáo luật được sử dụng trong Giáo hội phương Tây. Những cử chỉ mà người dân bản địa xem là biểu hiện của lòng hiếu kính, sự tưởng nhớ và bốn phận đối với tổ tiên, trong một số hoàn cảnh lại bị nhìn nhận như những hành vi mang tính thờ phụng tôn giáo, từ đó dẫn đến những bất đồng kéo dài về việc người Công giáo có thể tham dự các

ngghi lễ truyền thống hay không.

Một bước chuyển quan trọng được thể hiện qua *Huấn thị Plane compertum est*, do Thánh Bộ Truyền giáo ban hành ngày 8.12.1939 dưới triều Đức Giáo hoàng Piô XII. Huấn thị nhìn nhận rằng một số nghi lễ tại Á Đông, tuy trước kia từng gắn liền với những thực hành tín ngưỡng, nhưng qua sự biến đổi của phong tục và quan niệm xã hội, đã có thể mang ý nghĩa dân sự, nhằm biểu thị lòng tôn kính tổ tiên, lòng yêu nước hoặc sự kính trọng trong các quan hệ xã hội. Từ nhận định ấy, Giáo hội cho phép người Công giáo thực hiện hoặc tham dự một số hình thức kính lễ được xác định là mang ý nghĩa dân sự, trong đó có những cử chỉ cúi đầu và bày tỏ lòng kính trọng trước người quá cố, di ảnh hoặc bài vị của họ.

Tại Việt Nam, ngày 20.10.1964, Tòa Thánh, qua Thánh Bộ Truyền giáo, đã chấp thuận đề nghị của hàng giám mục Việt Nam về việc áp dụng Huấn thị *Plane compertum est* đối với phong tục tôn kính tổ tiên. Trên cơ sở đó, Hội đồng Giám mục Việt Nam ban hành Thông cáo ngày 14.6.1965 tại Đà Lạt, xác định những nguyên tắc giúp người Công giáo phân biệt các cử chỉ mang ý nghĩa hiếu kính, tưởng niệm và xã giao với những hành vi có nội dung tín ngưỡng không phù hợp với đức tin. Tiếp đó, Quyết nghị ngày 14.11.1974 tại Nha Trang của các giám mục miền Nam Việt Nam đã đưa ra những hướng dẫn cụ thể hơn về bàn thờ gia tiên, việc dâng hương, vái lạy, giỗ chạp, hôn lễ và tang lễ.

Tinh thần của những văn kiện ấy tiếp tục được kế thừa trong *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* được Hội đồng Giám mục Việt Nam chấp thuận cho áp dụng thử nghiệm vào năm 2019. Văn kiện không chỉ nhắc lại những nguyên tắc đã được xác định trước đó, mà còn đề nghị những hướng dẫn và nghi thức thích hợp với hoàn cảnh đời sống gia đình, đặc biệt trong các dịp cưới hỏi, tang lễ và những trường hợp có sự khác biệt về niềm tin tôn giáo giữa các thành viên.

Điểm đáng chú ý trong tiến trình này là Giáo hội không chỉ xem xét hình thức bên ngoài của nghi lễ, mà còn quan tâm đến ý nghĩa văn hóa, đạo đức, xã hội và tôn giáo của hành vi. Những cử chỉ biểu đạt lòng hiếu thảo, biết ơn và tưởng niệm tổ tiên được nhìn nhận là những giá trị

có thể hòa hợp với đức tin Công giáo, miễn là không kèm theo những quan niệm hoặc thực hành trái với giáo lý. Đây là cơ sở quan trọng để hiểu rằng việc vái lạy tổ tiên không thể bị đánh giá chỉ dựa trên động tác cúi đầu hay quỳ xuống, mà cần được xem xét trong toàn bộ ý nghĩa của nghi thức.

2. Vái lạy trước bàn thờ tổ tiên là cử chỉ hiếu kính

Một trong những xác định quan trọng nhất của Quyết nghị ngày 14.11.1974, khoản 2, là việc cho phép đốt nhang hương, đèn nến và vái lạy trước bàn thờ hoặc giường thờ tổ tiên, đồng thời nhìn nhận những hành vi ấy là các cử chỉ biểu đạt lòng hiếu thảo và tôn kính. Quy định này tiếp tục được nhắc lại và triển khai trong đường hướng hướng dẫn việc tôn kính tổ tiên của Hội đồng Giám mục Việt Nam.

Đây là một xác định có ý nghĩa đặc biệt đối với câu hỏi đang khảo cứu, bởi các giám mục đã trực tiếp nhìn nhận rằng hành vi VÁI LẠY trước bàn thờ tổ tiên có thể là một hình thức biểu đạt đạo hiếu, chứ không mặc nhiên là hành vi thờ phượng tổ tiên như Thiên Chúa. Sự nhìn nhận ấy không xuất phát từ việc thay đổi hình thức của cử chỉ, mà từ việc xác định đúng ý nghĩa văn hóa và đạo đức của hành vi trong đời sống gia đình Việt Nam.

Khi người con cúi lạy trước bàn thờ gia tiên, những người được tưởng nhớ là ông bà tổ tiên, những người đã sinh thành, dưỡng dục và truyền lại sự sống cho các thế hệ. Cử chỉ ấy có thể biểu thị lòng hiếu thảo, biết ơn và kính nhớ, đồng thời nhắc nhở con cháu về mối liên hệ giữa những người đang sống với các thế hệ đã qua. Trong ý nghĩa này, bàn thờ gia tiên không phải là nơi đặt tổ tiên ngang hàng với Thiên Chúa, mà là không gian tưởng niệm và bày tỏ lòng kính trọng đối với những người đã khuất.

Chính sự phân biệt ấy giúp người Công giáo có thể tiếp nhận những cử chỉ truyền thống mà vẫn trung thành với nguyên tắc chỉ thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất. Người tín hữu có thể thắp hương, cúi đầu hoặc quỳ lạy trước bàn thờ tổ tiên để bày tỏ lòng hiếu kính, đồng thời

hướng lòng cầu nguyện lên Thiên Chúa, xin Người thương đón nhận những người đã qua đời vào sự sống vĩnh cửu.

Tuy nhiên, sự cho phép ấy phải được hiểu trong toàn bộ đường hướng của Giáo hội, nghĩa là các cử chỉ được thực hiện với ý nghĩa hiếu kính, tưởng niệm và biết ơn, chứ không nhằm nhìn nhận tổ tiên như những thần linh có quyền năng độc lập với Thiên Chúa. Những thực hành mang tính mê tín hoặc biểu thị sự lệ thuộc tôn giáo trái với đức tin vẫn cần được phân định và loại bỏ.

3. Lạy người quá cố trong tang lễ không phải là thờ người chết

Trong tang lễ truyền thống Việt Nam, con cháu thường quỳ lạy trước linh cữu cha mẹ, ông bà hoặc những người thân đã qua đời. Cử chỉ ấy diễn tả lòng thương tiếc, sự biết ơn và mối liên hệ đạo nghĩa giữa người sống với người đã khuất, đồng thời là một hình thức kính lễ trang trọng dành cho người quá cố trong những giây phút cuối cùng trước khi an táng.

Quyết nghị ngày 14.11.1974, khoản 5, cho phép việc vái lạy trước thi hài người quá cố và đốt hương, vái theo phong tục địa phương nhằm bày tỏ lòng cung kính đối với người đã khuất. Quyết nghị cũng liên hệ những cử chỉ ấy với các hình thức kính trọng thi hài vốn hiện diện trong truyền thống nghi lễ Công giáo, như đốt nến, xông hương và nghiêng mình trước thi hài người quá cố.

Từ đó, có thể nhận thấy rằng việc quỳ lạy trước linh cữu không nhất thiết mang ý nghĩa thờ phượng người đã chết. Người con lạy cha mẹ đã khuất không phải vì nhìn nhận cha mẹ là Thiên Chúa hay thần linh, mà vì muốn bày tỏ lòng hiếu kính, thương tiếc và biết ơn đối với những người đã sinh thành, dưỡng dục mình. Trong trường hợp này, hành vi lạy thuộc phạm vi đạo hiếu và tưởng niệm, mặc dù hình thức bên ngoài có thể tương tự với một số cử chỉ được sử dụng trong nghi lễ tôn giáo.

Đối với người Công giáo, lòng kính trọng người quá cố còn được đặt trong niềm tin vào sự sống lại và sự hiệp thông giữa những người đang sống với những người đã qua đời. Vì vậy, bên cạnh những cử chỉ tưởng

niệm theo phong tục dân tộc, người tín hữu còn cầu nguyện cho người quá cố, xin Thiên Chúa thương xót và ban cho họ được hưởng sự sống đời đời. Việc kính lễ trước linh cửu, trong ý nghĩa ấy, không thay thế lời cầu nguyện và cũng không đồng nghĩa với việc thờ phượng người đã chết. Đối với người Công giáo, lòng kính trọng người quá cố còn được đặt trong niềm tin vào sự sống lại và sự hiệp thông giữa những người đang sống với những người đã qua đời. Vì vậy, bên cạnh những cử chỉ tưởng niệm theo phong tục dân tộc, người tín hữu còn cầu nguyện cho người quá cố, xin Thiên Chúa thương xót và ban cho họ được hưởng sự sống đời đời. Việc kính lễ trước linh cửu, trong ý nghĩa ấy, không thay thế lời cầu nguyện và cũng không đồng nghĩa với việc thờ phượng người đã chết.

Tuy nhiên, việc cho phép vái lạy trước linh cửu không có nghĩa là Giáo hội chấp nhận mọi quan niệm tín ngưỡng có thể gắn liền với tang lễ. Những thực hành dựa trên niềm tin mê tín, hoặc hàm ý rằng người quá cố có quyền năng siêu nhiên độc lập với Thiên Chúa và phải được phụng thờ như thần linh, vẫn cần được xem xét và phân định theo giáo lý Công giáo.

4. Lạy tổ tiên trong hôn lễ là hành vi trình diện và biết ơn

Trong phong tục cưới hỏi Việt Nam, lễ gia tiên là một nghi thức quan trọng, đánh dấu việc đôi nam nữ bước vào đời sống hôn nhân trong mối liên hệ với gia đình và dòng tộc. Trước bàn thờ gia tiên, đôi tân hôn có thể dâng hương, cúi lạy hoặc thực hiện những cử chỉ kính lễ theo phong tục, nhằm bày tỏ lòng biết ơn đối với ông bà tổ tiên và trình diện việc thành lập một gia đình mới.

Quyết nghị ngày 14.11.1974, khoản 4, cho phép cô dâu chú rể thực hiện Lễ Tổ hoặc Lễ Gia Tiên trước bàn thờ hay giường thờ tổ tiên, vì đây là nghi lễ biểu thị lòng biết ơn, hiếu kính và trình diện với ông bà. Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên năm 2019 tiếp tục triển khai đường hướng ấy qua những gợi ý nghi thức và lời cầu nguyện dành cho các dịp cưới hỏi, nhằm giúp các gia đình Công giáo thực hiện những phong tục truyền thống trong sự hòa hợp với đức tin.

Điều này cho thấy trong hôn lễ, hành vi lạy tổ tiên không nhất thiết mang ý nghĩa thờ phượng, mà có thể là một nghi thức đạo hiếu, đặt cuộc hôn nhân mới trong sự tiếp nối của gia đình và dòng tộc. Khi đôi tân hôn cúi lạy trước bàn thờ gia tiên, cử chỉ ấy có thể được hiểu như lời bày tỏ lòng biết ơn đối với các thế hệ đi trước, đồng thời thể hiện ý thức trách nhiệm của đôi vợ chồng đối với truyền thống gia đình mà mình đang tiếp nối.

Đối với người Công giáo, ý nghĩa này còn có thể được diễn tả qua lời cầu nguyện tạ ơn Thiên Chúa vì hồng ân sự sống, vì công lao sinh thành dưỡng dục của cha mẹ và tổ tiên, đồng thời xin Người chúc lành cho đời sống hôn nhân mới. Như vậy, nghi thức gia tiên không nhất thiết đối lập với đức tin Công giáo, nhưng có thể trở thành một hình thức biểu đạt lòng hiếu kính trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, miễn là nội dung và cách thực hiện không trái với giáo lý.

Cần phân biệt thêm rằng lễ gia tiên theo phong tục gia đình không thay thế việc cử hành hôn phối theo những quy định của Giáo hội. Đây là hai bình diện khác nhau nhưng có thể bổ túc cho nhau: một bên biểu thị mối liên hệ đạo nghĩa giữa đôi tân hôn với gia đình và tổ tiên, bên kia diễn tả ý nghĩa của giao ước hôn nhân trong đời sống đức tin Công giáo.

5. Giới hạn của việc vái lạy trong đời sống Công giáo

Mặc dù nhìn nhận giá trị của những cử chỉ truyền thống, Hội đồng Giám mục Việt Nam không chủ trương chấp nhận mọi nghi thức mà không cần phân định. Thông cáo ngày 14.6.1965 đã xác định những nguyên tắc căn bản nhằm phân biệt các hành vi mang ý nghĩa thể tục, xã giao, hiếu kính và tưởng niệm với những hành vi có nội dung tín ngưỡng không phù hợp với giáo lý Công giáo. Đường hướng này tiếp tục được duy trì trong Quyết nghị năm 1974 và Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên năm 2019.

Theo tinh thần của Thông cáo năm 1965, những cử chỉ và nghi lễ có ý nghĩa rõ ràng là bày tỏ lòng hiếu thảo, tôn kính hoặc tưởng niệm tổ tiên và các bậc có công với dân tộc có thể được người Công giáo thực hiện

và tham dự cách chủ động. Ngược lại, những hành vi mang nội dung tôn giáo trái với đức tin, đặc biệt khi biểu thị sự thần phục hoặc lệ thuộc đối với một thụ tạo như đối với Thiên Chúa, không thể được chấp nhận chỉ vì chúng thuộc về phong tục truyền thống.

Như vậy, việc phân định không chỉ dựa vào hình thức bên ngoài của cử chỉ, mà còn phải xét đến ý nghĩa của nghi thức và niềm tin của người thực hiện. Một hành vi lạy có thể được tiếp nhận như biểu hiện của lòng hiếu kính khi nó hướng đến việc tưởng nhớ, biết ơn và tôn kính tổ tiên; nhưng nếu hành vi ấy đòi hỏi sự tôn thờ một đối tượng như thần linh theo cách trái với đức tin Công giáo, thì không thể chỉ thay đổi tên gọi để xem đó là một nghi thức đạo hiếu.

IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC VÁI LẠY TRONG ĐẠO HIẾU VIỆT NAM

Trong truyền thống văn hóa Việt Nam, lòng hiếu thảo không chỉ được diễn tả bằng lời nói hay những tình cảm trong tâm hồn, mà còn được thể hiện qua những hành động cụ thể trong đời sống gia đình. Con cháu chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống, lo liệu tang lễ khi cha mẹ qua đời, gìn giữ ngày giỗ và tưởng nhớ công đức tổ tiên qua nhiều thế hệ. Những cử chỉ VÁI, LẠY và BÁI thuộc về hệ thống biểu đạt văn hóa ấy, giúp con người thể hiện bằng những hành động của thân thể lòng kính trọng, sự biết ơn và những tình cảm sâu xa mà lời nói không phải lúc nào cũng có thể diễn tả trọn vẹn.

Khi người con cúi đầu hoặc quỳ lạy trước di ảnh cha mẹ, hành động ấy có thể biểu thị lòng biết ơn đối với những người đã sinh thành, dưỡng dục và truyền lại sự sống cho mình. Khi con cháu kính lễ trước bàn thờ tổ tiên, cử chỉ ấy không chỉ hướng đến việc tưởng nhớ những người đã khuất, mà còn nhắc nhở họ về nguồn cội, về mối liên hệ giữa các thế hệ và về trách nhiệm tiếp nối những giá trị đạo đức mà tiền nhân đã trao truyền. Trong ý nghĩa này, việc vái lạy không đơn thuần là một động tác nghi lễ, mà còn là một hình thức biểu đạt mối liên hệ đạo nghĩa giữa người đang sống với những người đã qua đời, giữa thế hệ hiện tại với các thế hệ đi trước.

Tuy nhiên, giá trị của đạo hiếu không thể chỉ được đo lường bằng số lần vái lạy, sự trang trọng của nghi thức hay mức độ đầy đủ của những lễ vật dâng cúng. Một người có thể thực hiện chu đáo các hình thức kính lễ đối với tổ tiên nhưng lại thiếu trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi các ngài còn sống; trong trường hợp ấy, những nghi thức bên ngoài khó có thể phản ánh trọn vẹn ý nghĩa của lòng hiếu thảo. Ngược lại, một người vì tuổi tác, bệnh tật hoặc những giới hạn thể chất không thể quỳ lạy theo phong tục vẫn có thể sống trọn đạo hiếu bằng tình yêu thương, sự chăm sóc, lòng biết ơn và việc chu toàn bốn phận đối với cha mẹ. Điều đó cho thấy giá trị căn bản của đạo hiếu không nằm ở hình thức của cử chỉ, mà trước hết ở thái độ và cách sống của con người đối với những người đã sinh thành, dưỡng dục mình.

Do đó, cần nhìn nhận VÁI, LẠY và BÁI như những hình thức biểu đạt đạo hiếu trong truyền thống văn hóa Việt Nam, chứ không phải là toàn bộ nội dung của đạo hiếu. Những cử chỉ ấy có giá trị khi diễn tả lòng kính trọng và biết ơn chân thành, đồng thời được nâng đỡ bằng một đời sống có trách nhiệm đối với gia đình và những người thân thuộc. Đối với người Công giáo, bốn phận này còn được đặt dưới ánh sáng điều răn thứ tư: Thảo kính cha mẹ, qua đó lòng hiếu kính không chỉ được hiểu như một phong tục truyền thống, mà còn là một trách nhiệm luân lý gắn liền với đời sống đức tin.

Trong ý nghĩa ấy, việc tưởng nhớ ông bà tổ tiên không chỉ hướng về quá khứ, mà còn trở thành lời nhắc nhở con cháu sống có trách nhiệm trong hiện tại và biết gìn giữ những giá trị tốt đẹp cho các thế hệ tương lai. Người con bày tỏ lòng hiếu kính không chỉ bằng việc cúi lạy trước bàn thờ gia tiên, mà còn bằng cách sống xứng đáng với công ơn sinh thành dưỡng dục, giữ gìn tình nghĩa gia đình và tiếp nối những truyền thống đạo đức tốt đẹp của tổ tiên. Đối với người Công giáo, việc kính nhớ những người đã qua đời còn được thể hiện qua lời cầu nguyện, xin Thiên Chúa thương xót và ban cho các ngài được hưởng sự sống đời đời.

Như vậy, ý nghĩa sâu xa của việc vái lạy trong đạo hiếu Việt Nam không chỉ nằm ở động tác cúi đầu hay quỳ xuống, mà ở lòng kính trọng, biết

ơn và ý thức trách nhiệm được diễn tả qua những cử chỉ ấy. Khi được thực hiện với ý nghĩa phù hợp, việc vái lạy tổ tiên có thể trở thành một biểu hiện chính đáng của lòng hiếu thảo, góp phần gìn giữ truyền thống gia đình và nuôi dưỡng mối liên hệ đạo nghĩa giữa các thế hệ, mà không nhất thiết mang ý nghĩa thờ phượng theo nghĩa thần học Công giáo.

V. Ý NGHĨA CỦA VIỆC VÁI LẠY TRONG ĐẠO HIẾU VIỆT NAM

Trong truyền thống văn hóa Việt Nam, lòng hiếu thảo không chỉ được diễn tả bằng lời nói hay những tình cảm trong tâm hồn, mà còn được thể hiện qua những hành động cụ thể trong đời sống gia đình. Con cháu chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống, lo liệu tang lễ khi cha mẹ qua đời, gìn giữ ngày giỗ và tưởng nhớ công đức tổ tiên qua nhiều thế hệ. Những cử chỉ VÁI, LẠY và BÁI thuộc về hệ thống biểu đạt văn hóa ấy, giúp con người thể hiện bằng những hành động của thân thể lòng kính trọng, sự biết ơn và những tình cảm sâu xa mà lời nói không phải lúc nào cũng có thể diễn tả trọn vẹn.

Khi người con cúi đầu trước di ảnh cha mẹ, hành động ấy có thể biểu thị sự nhìn nhận rằng sự sống của mình không tự nhiên mà có, nhưng đã được đón nhận và nuôi dưỡng trong mối liên hệ gia đình, qua tình yêu thương và công lao sinh thành dưỡng dục của những người đi trước. Khi con cháu kính lễ trước bàn thờ tổ tiên, cử chỉ ấy không chỉ hướng đến việc tưởng nhớ những người đã khuất, mà còn nhắc nhở họ về nguồn cội, về mối liên hệ giữa các thế hệ, về trách nhiệm tiếp nối những giá trị đạo đức và về bốn phận sống xứng đáng với công ơn tiền nhân. Trong ý nghĩa này, việc vái lạy không đơn thuần là một động tác nghi lễ, mà còn là một hình thức biểu đạt mối liên hệ đạo nghĩa giữa người đang sống với những người đã qua đời, giữa thế hệ hiện tại với các thế hệ đi trước.

Tuy nhiên, giá trị của đạo hiếu không thể chỉ được đo lường bằng số lần vái lạy, sự trang trọng của nghi thức hay mức độ đầy đủ của những lễ vật dâng cúng. Một người có thể thực hiện chu đáo những hình thức kính lễ đối với tổ tiên nhưng lại thiếu trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ khi các ngài còn sống; trong trường hợp ấy, những nghi thức bên

ngoài khó có thể phản ánh trọn vẹn ý nghĩa của lòng hiếu thảo. Ngược lại, một người vì tuổi tác, bệnh tật hoặc những giới hạn thể chất không thể quỳ lạy theo phong tục vẫn có thể sống trọn đạo hiếu bằng tình yêu thương, sự chăm sóc, lòng biết ơn và việc chu toàn bốn phận đối với cha mẹ. Điều đó cho thấy giá trị căn bản của đạo hiếu không nằm ở hình thức của cử chỉ, mà trước hết ở thái độ và cách sống của con người đối với những người đã sinh thành, dưỡng dục mình.

Do đó, cần nhìn nhận VÁI, LẠY và BÁI như những hình thức biểu đạt đạo hiếu trong truyền thống văn hóa Việt Nam, chứ không phải là toàn bộ nội dung của đạo hiếu. Những cử chỉ ấy có giá trị khi diễn tả lòng kính trọng và biết ơn chân thành, đồng thời được nâng đỡ bằng một đời sống có trách nhiệm đối với gia đình và những người thân thuộc. Đối với người Công giáo, bốn phận này còn được đặt dưới ánh sáng điều răn thứ tư: Thảo kính cha mẹ, qua đó lòng hiếu kính không chỉ được hiểu như một phong tục truyền thống, mà còn là một trách nhiệm luân lý gắn liền với đời sống đức tin.

Trong đường hướng hướng dẫn việc tôn kính tổ tiên, Hội đồng Giám mục Việt Nam nhìn nhận những giá trị đạo đức tốt đẹp của truyền thống hiếu kính, đồng thời đặt việc tưởng nhớ những người đã qua đời trong ánh sáng đức tin vào Đức Kitô. Theo đó, mối liên hệ giữa các thế hệ trong gia đình không chỉ được diễn tả qua ký ức, tình cảm và những nghi thức tưởng niệm, mà còn được soi sáng bởi niềm tin vào sự sống lại và niềm hy vọng được hiệp thông trong Thiên Chúa. Đối với người Công giáo, việc kính nhớ tổ tiên vì thế còn được thể hiện qua lời cầu nguyện, xin Thiên Chúa thương xót và ban cho những người đã qua đời được hưởng sự sống đời đời.

Nhờ đó, việc tưởng nhớ ông bà tổ tiên không chỉ hướng về quá khứ, mà còn trở thành lời nhắc nhở con cháu sống có trách nhiệm trong hiện tại và biết gìn giữ những giá trị tốt đẹp cho các thế hệ tương lai. Người con bày tỏ lòng hiếu kính không chỉ bằng việc cúi lạy trước bàn thờ gia tiên, mà còn bằng cách sống xứng đáng với công ơn sinh thành dưỡng dục, gìn giữ tình nghĩa gia đình và tiếp nối những truyền thống đạo đức tốt đẹp của tổ tiên. Chính trong sự kết hợp giữa cử chỉ kính lễ và đời sống

hiếu thảo cụ thể, việc vái lạy mới biểu đạt được chiều sâu đạo đức và ý nghĩa nhân văn của nó.

Như vậy, ý nghĩa sâu xa của việc vái lạy trong đạo hiếu Việt Nam không chỉ nằm ở động tác cúi đầu hay quỳ xuống, mà ở lòng kính trọng, biết ơn và ý thức trách nhiệm được diễn tả qua những cử chỉ ấy. Khi được thực hiện với ý nghĩa phù hợp, việc vái lạy tổ tiên có thể trở thành một biểu hiện chính đáng của lòng hiếu thảo, góp phần gìn giữ truyền thống gia đình và nuôi dưỡng mối liên hệ đạo nghĩa giữa các thế hệ, mà không nhất thiết mang ý nghĩa thờ phượng theo nghĩa thần học Công giáo.

KẾT LUẬN

Trở lại câu hỏi được đặt ra ngay từ đầu bài khảo cứu: **LẠY CÓ PHẢI LÀ THỜ KHÔNG?** Câu trả lời cần được xem xét trên hai bình diện có liên hệ với nhau nhưng không thể đồng nhất, đó là ý nghĩa của hành vi lạy trong ngôn ngữ và phong tục Việt Nam, cùng với ý nghĩa của hành vi ấy trong đời sống tín ngưỡng và thần học Công giáo.

Xét về phương diện ngôn ngữ và phong tục, LẠY là một cử chỉ kính lễ có thể được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Người ta có thể lạy Thiên Chúa, lạy thần linh, lạy cha mẹ, lạy tổ tiên hoặc lạy người quá cố, nhưng những hành vi ấy không nhất thiết mang cùng một ý nghĩa. Trong trường hợp này, lạy có thể biểu thị lòng kính trọng, sự biết ơn, thái độ khiêm nhường, lời khẩn cầu hoặc sự tôn thờ, tùy theo đối tượng được hướng đến và hoàn cảnh thực hiện. Vì vậy, không thể chỉ dựa vào động tác cúi đầu, quỳ gối hay phủ phục để đồng nhất mọi hành vi lạy với việc thờ phượng.

Xét về phương diện thần học Công giáo, LẠY có thể là một hình thức biểu đạt sự thờ phượng khi người tín hữu hướng về Thiên Chúa với tâm tình tôn thờ, nhìn nhận Người là Đấng Tạo Hóa và là cùng đích của đời mình. Tuy nhiên, khi được thực hiện trước cha mẹ, tổ tiên hoặc người quá cố nhằm bày tỏ lòng hiếu kính, biết ơn và tưởng niệm, hành vi ấy không mặc nhiên mang bản chất thờ phượng, bởi sự tôn kính dành cho những người đã sinh thành, dưỡng dục và truyền lại sự sống

không đồng nghĩa với việc nhìn nhận họ như những thần linh đáng được tôn thờ.

Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên năm 2019 của Hội đồng Giám mục Việt Nam đã kế thừa và triển khai đường hướng phân biệt này qua những chỉ dẫn cụ thể liên quan đến bàn thờ gia tiên, nghi thức cưới hỏi, tang lễ và việc tưởng nhớ người đã khuất. Đặc biệt, việc tiếp nhận những quy định của Quyết nghị ngày 14.11.1974 về việc đốt hương, đèn nến và vái lạy trước bàn thờ hoặc giường thờ tổ tiên cho thấy Giáo hội nhìn nhận rằng những cử chỉ ấy có thể là hình thức chính đáng để diễn tả lòng hiếu thảo và tôn kính, chứ không mặc nhiên là hành vi thờ phượng tổ tiên như Thiên Chúa.

Tuy nhiên, việc nhìn nhận giá trị của những cử chỉ vái lạy trong truyền thống dân tộc không có nghĩa là xóa bỏ mọi ranh giới giữa tôn kính và thờ phượng. Sự phân định vẫn phải căn cứ vào đối tượng được hướng đến, nội dung và ý nghĩa của nghi thức, niềm tin của người tham dự, cũng như chủ ý của người thực hiện. Một cử chỉ có thể được tiếp nhận như biểu hiện của lòng hiếu kính khi nó nhằm tưởng nhớ và biết ơn tổ tiên, nhưng cũng có thể mang ý nghĩa tín ngưỡng hoặc thờ phụng nếu được thực hiện trong một nghi thức hàm chứa những quan niệm tôn giáo khác biệt. Chính vì vậy, không thể chỉ dựa vào hình thức bên ngoài, cũng không thể chỉ căn cứ vào lời giải thích chủ quan, để xác định bản chất của một hành vi kính lễ.

Từ những phân tích trên, có thể rút ra một nhận định căn bản: Không phải cứ lạy là thờ phượng, cũng không phải cứ không lạy là thiếu lòng tôn kính. Giá trị của một cử chỉ nghi lễ không chỉ nằm ở hình thức bên ngoài, mà còn ở ý nghĩa văn hóa, đạo đức và tôn giáo mà con người gửi gắm vào hành vi ấy. Việc hiểu đúng phạm vi ý nghĩa của VÁI, LẠY và BÁI sẽ giúp tránh những ngộ nhận không cần thiết khi đánh giá các phong tục truyền thống, đồng thời sự phân biệt giữa TÔN KÍNH và THỜ PHƯỢNG cũng giúp người Công giáo Việt Nam gìn giữ lòng trung thành với đức tin mà không đánh mất những giá trị tốt đẹp của đạo hiếu dân tộc.

Bởi lẽ, trong chiều sâu của truyền thống văn hóa Việt Nam, cúi mình

trước tổ tiên không nhất thiết là nâng tổ tiên lên hàng thần linh, mà có thể chính là hành động khiêm nhường của con cháu trước những người đã trao truyền sự sống, gìn giữ gia phong và để lại cho mình một nguồn cội. Khi được thực hiện với lòng hiếu kính chân thành và trong ý nghĩa phù hợp với đức tin, những cử chỉ ấy không chỉ giúp con người tưởng nhớ quá khứ, mà còn nhắc nhở các thế hệ hôm nay biết sống xứng đáng với công ơn của những người đi trước, tiếp nối những giá trị đạo đức tốt đẹp và truyền lại cho các thế hệ mai sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hội đồng Giám mục Việt Nam**, *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, được chấp thuận cho áp dụng thử nghiệm ngày 4.10.2019. Toàn văn đăng trên trang thông tin điện tử của Hội đồng Giám mục Việt Nam.
2. **Hội đồng Giám mục Việt Nam**, *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên*, văn bản đề ngày 7.10.2025, do Ủy ban Văn hóa và Ủy ban Giáo lý Đức tin của Hội đồng Giám mục Việt Nam thực hiện.
3. **Thánh Bộ Truyền giáo**, *Huấn thị Plane compertum est*, ngày 8.12.1939, về một số nghi lễ truyền thống tại Trung Hoa; bản dịch tiếng Việt được đưa vào Phụ lục 1 của văn kiện *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2019.
4. **Hội đồng Giám mục Việt Nam**, *Thông cáo về việc Tôn kính Tổ tiên*, Đà Lạt, ngày 14.6.1965; được in lại trong Phụ lục 2 của văn kiện *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2019.
5. **Các Giám mục miền Nam Việt Nam**, *Quyết nghị về Lễ nghi Tôn kính Ông bà Tổ tiên*, Nha Trang, ngày 14.11.1974; được in lại trong Phụ lục 3 của văn kiện *Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* năm 2019, đặc biệt các khoản 2, 4 và 5.
6. **Giáo hội Công giáo**, *Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo*, các số 2096–2097 về việc thờ phượng Thiên Chúa và các số 2197–2200 về điều răn thứ tư, liên quan đến bốn phận thảo kính cha mẹ.